

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2022

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM

MSDN: 0310370603

Số: SM /TMN-KHKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:**

Giá trị thực hiện đến thời điểm 30/06/2022 là: 190 tỷ đồng. Đạt 50% kế hoạch năm. (Kế hoạch năm 2022: 380 tỷ đồng).

Giá trị được ghi nhận doanh thu tính đến 30/06/2022: 136 tỷ đồng. Đạt 50,4% kế hoạch năm (Kế hoạch năm 2022: 270 tỷ đồng).

- **Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:**

*** Thuận lợi:**

Công ty là doanh nghiệp Nhà nước, một trong những doanh nghiệp hàng đầu thuộc Bộ TN&MT, có mối quan hệ tốt với các cơ quan thuộc Bộ TN&MT và các Sở TN&MT. Các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm soát thống nhất trên cơ sở hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.

*** Khó khăn:**

Vốn điều lệ chưa cân xứng với quy mô hoạt động và phát triển của Công ty, điều này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty có chu kỳ sản phẩm kéo dài, hầu hết các dự án Công ty thực hiện là sản phẩm công ích phục vụ các cơ quan nhà nước, chủ đầu tư là các Sở Tài nguyên và Môi trường, kinh phí thanh toán bằng vốn ngân sách nhà nước, các công trình, dự án hầu hết được quyết toán vào cuối năm do vậy Công ty phải vay ngân hàng, vay của cán bộ công nhân viên để sản xuất.



BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ	Tỷ đồng	80,0	30,0	
b)	Lĩnh vực Quản lý đất đai	Tỷ đồng	173,0	160,0	
c)	Lĩnh vực Môi trường, Nước, Biến đổi khí hậu	Tỷ đồng	12,0	2,0	
d)	Lĩnh vực khác	Tỷ đồng	5,0	0	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	270,0	136,0	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,6	2,4	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,9	1,9	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	25	18	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	216,0	108,9	
8	Tổng số lao động	Người	697	602	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	123,39		
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,99	0,473	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	121,4	60,0	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia	Không có						
Dự án nhóm A	Không có						
Dự án nhóm B	Không có						

2. Các khoản đầu tư tài chính.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Đảng ủy Công ty (để báo cáo);
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu: VT, P.KHKD. Thạnh.

CHỦ TỊCH *pcu*



Đào Đức Hương
Đào Đức Hương